

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày: 17-02-2025
V/v tranh chấp Hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng

2. Bà Trần Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Uyên Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận B -
Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn
Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận B - Thành phố
H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2024/DSST ngày 03 tháng 10
năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên
tòa số: 45/2025/QĐST- DS ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ trụ sở: 28C-28D Phố BT, Phường HB, Quận HK, Thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H1 - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng
quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị U

Cùng địa chỉ liên hệ: 151-153 NĐC, Phường VTS, Quận B1, TP. H.

(Theo Giấy uỷ quyền số 745/2025/UQ-BĐH. N ngày 03/01/2025 của N)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hiền Đ, sinh năm 1957;

Địa chỉ: 290/49 Ter ĐVB, Phường 16, Quận B, TP. H.

(Bà Nguyễn Thị U có đơn xin vắng mặt và ông Nguyễn Hiền Đ vắng mặt tại phiên
tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2023 của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Ngày 13/12/2018, Ngân hàng TMCP N và ông Nguyễn Hiền Đ ký Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 923/18/HĐCV-9300, cụ thể: Số tiền vay: 269.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 84 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô; lãi suất theo thỏa thuận trong khế ước nhận nợ; các kỳ hạn trả nợ: Bên vay phải trả nợ gốc 3.200.000 đồng và lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên là ngày 25/01/2019.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng TMCP N đã giải ngân cho ông Nguyễn Hiền Đ tổng số tiền 269.000.000 đồng vào tài khoản số 1913.052587.2345 của Công ty CP G mở tại Ngân hàng TMCP T – PGD Nguyễn Văn L theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP N và ông Nguyễn Hiền Đ có ký kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1123/18/HĐTC-9300 ngày 13/12/2018, theo đó tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark, biển số 51G-742.09.

Thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Hiền Đ định kỳ hàng tháng đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng TMCP N theo thỏa thuận, sau đó ông Nguyễn Hiền Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ mặc dù nhiều lần N nhiều lần nhắc nhở. Do không có khả năng thanh toán nên Ngân hàng đã căn cứ vào Hợp đồng thế chấp, áp dụng biện pháp xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark để thu hồi nợ vay. Ngày 11/07/2022, Ngân hàng TMCP N đã thực hiện thủ tục bán đấu giá chiếc xe trên theo quy định để thu hồi nợ. Cụ thể: Chiếc xe ô tô Chevrolet Spark, biển số: 51G-742.09 bán được số tiền 149.500.000 đồng. Sau khi trừ đi các chi phí thẩm định độc lập, phí đấu giá, phí gửi xe là 33.309.208 đồng. Tổng số tiền bán xe sau khi trừ đi các chi phí còn lại là 116.190.720 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp thì số tiền này Ngân hàng TMCP N đã trừ vào các khoản nợ gốc của ông Nguyễn Hiền Đ. Sau khi trừ đi số tiền bán tài sản thế chấp, tính đến ngày 30/5/2023, số tiền ông Nguyễn Hiền Đ còn nợ nguyên đơn là **110.385.049 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm mười triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*).

Vì vậy, Ngân hàng TMCP N yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hiền Đ phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên; tính đến ngày 30/5/2023, gồm: Nợ gốc: 50.160.355 đồng; Nợ lãi trong hạn: 42.537.100 đồng; Nợ lãi quá hạn: 11.097.590 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 6.590.004 đồng. Tổng cộng: **110.385.049 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm mười triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*); Tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh

đối với khoản nợ nói trên theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 31/5/2023 cho đến ngày ông Nguyễn Hiền Đ thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP N.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị U có đơn xin vắng mặt và gửi bản ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến ngày 17/02/2025, khoản tiền này là: Nợ gốc: 50.160.355 đồng; Nợ lãi trong hạn: 37.699.383 đồng; Nợ lãi quá hạn: 30.823.090 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 12.961.772 đồng. Tổng cộng: **131.644.600 đồng** (Bằng chữ: *Một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng*); Ngoài ra bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ nói trên theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ ngày 18/02/2025

cho đến ngày ông Nguyễn Hiền Đ thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP N;

- Bị đơn ông Nguyễn Hiền Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bị đơn – ông Nguyễn Hiền Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số tiền gốc, lãi theo như Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Bị đơn được miễn án phí sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1

Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngân hàng TMCP N khởi kiện ông Đ yêu cầu thanh toán số tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ nên có cơ sở xác định tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ đơn khởi kiện của Nguyên đơn; Hợp đồng ghi địa chỉ cư trú của bị đơn tại: 290/49 Ter ĐVB, Phường 16, Quận B, TP. H. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 16, Quận B thì ông Nguyễn Hiền Đ, sinh năm 1957, có hộ khẩu thường trú 290/49 Ter ĐVB, Phường 16, Quận B, TP. H, và hiện đã bán nhà năm 2018 không còn cư trú tại địa phương, không rõ nơi cư trú hiện tại. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú Quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]: *Về thủ tục tố tụng*

[2.1] Về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập cho các đương sự. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do không tìm được địa chỉ khác của ông Nguyễn Hiền Đ và việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo nên Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố H yêu cầu nguyên đơn thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Đài tiếng nói Việt Nam đã phát sóng phát thanh trên sóng FM tần số 94MHz; 102.7 MHz, khung giờ từ 06 giờ 30 phút đến 07 giờ và từ 14 giờ 30 phút đến 15 giờ từ ngày 12 tháng 12 năm 2024 đến ngày 14 tháng 12 năm 2024 và đăng trên Báo Thanh Niên ngày 9,10,11 tháng 12 năm 2024 để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[2.2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - ông Nguyễn Hiền Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo những chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

[3] *Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh*: Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh

theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ án trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[4] *Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:*

Nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hiền Đ phải thanh toán trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 923/18/HĐCV-9300 (*Hợp đồng tín dụng*) ký ngày 13/12/2018; tính đến ngày 17/02/2025, số tiền còn nợ là: Nợ gốc: 50.160.355 đồng; Nợ lãi trong hạn: 37.699.383 đồng; Nợ lãi quá hạn: 30.823.090 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 12.961.772 đồng, tổng cộng là: **131.644.600 đồng** (*Bảng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng*). Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ nói trên theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 18/02/2025 cho đến ngày ông Nguyễn Hiền Đ thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP N.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Căn cứ Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 923/18/HĐCV-9300 (*Hợp đồng tín dụng*) ký kết ngày 13/12/2018 giữa các bên đương sự, chứng từ giải ngân, tóm tắt sao kê, lịch sử trả nợ có cơ sở xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 269.000.000 đồng; Thời hạn vay: 84 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Mua xe ô tô; lãi suất theo thỏa thuận trong khế ước nhận nợ; các kỳ hạn trả nợ: Bị đơn phải trả nợ gốc 3.200.000 đồng và lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc, lãi đầu tiên là ngày 25/01/2019.

Quá trình các bên tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng. Do vậy, hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[4.2] Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Căn cứ khoản 3 Điều 11, Điều 12 Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 923/18/HĐCV-9300 của Ngân hàng TMCP N thì nguyên đơn có quyền thu hồi nợ quá hạn, xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm Hợp đồng cho vay.

Do bị đơn không có khả năng thanh toán nên Ngân hàng TMCP N đã xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp ô tô số 1123/18/HĐTC-9300 ngày 13 tháng 12 năm 2018. Nguyên đơn đã thực hiện thủ tục bán đấu giá chiếc xe trên theo quy định để thu hồi nợ. Cụ thể: Chiếc xe ô tô Chevrolet Spark, biển số: 51G-742.09 bán được số tiền 149.500.000 đồng. Sau khi trừ đi các chi phí thẩm định độc lập, phí đấu giá, phí gửi xe là 33.309.208 đồng. Tổng số tiền

bán xe sau khi trừ đi các chi phí còn lại là 116.190.720 đồng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp thì số tiền này Ngân hàng TMCP N đã trừ vào các khoản nợ gốc của ông Nguyễn Hiền Đ trong Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 923/18/HĐCV-9300. Sau khi trừ đi số tiền bán tài sản thế chấp, tính đến ngày 17/02/2025, số tiền ông Nguyễn Hiền Đ còn nợ Ngân hàng là **131.644.600 đồng** (Bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng).

[4.3] Do đó, nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 17/02/2025 là **131.644.600 đồng** (Bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng), cụ thể: Nợ gốc: 50.160.355 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng); Nợ lãi trong hạn: 37.699.383 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng); Nợ lãi quá hạn: 30.823.090 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, không trăm chín mươi đồng); Nợ lãi chậm trả lãi: 12.961.772 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi nghìn) là phù hợp với các điều khoản trong theo Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ số 923/18/HĐCV-9300 ngày 13/12/2018 đã ký kết và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ 18/02/2025 bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Hiền Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về Chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Bị đơn phải chịu chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Do Ngân hàng TMCP N đã tạm nộp bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 68; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 280, 351, 357, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ các điều 7, 8 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N:

Buộc ông Nguyễn Hiền Đ có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm tính đến 17/02/2025 tổng cộng là **131.644.600 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, sáu trăm đồng*), cụ thể: Nợ gốc: 50.160.355 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi triệu, một trăm sáu mươi nghìn, ba trăm năm mươi lăm đồng*); Nợ lãi trong hạn: 37.699.383 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi ba đồng*); Nợ lãi quá hạn: 30.823.090 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi ba nghìn, không trăm chín mươi đồng*); Nợ lãi chậm trả lãi: 12.961.772 đồng (*Bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi nghìn*) trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025 đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hiền Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký kết.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

2.1. Ông Nguyễn Hiền Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí là 2.760.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số AA/2023/0042392 ngày 18/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, TP. H.

2.3 Về chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Ông Nguyễn Hiền Đ phải trả lại cho Ngân hàng TMCP N số tiền chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.000.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Quỳnh